TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-01-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Cương.
2. Ông Phạm Hoàng Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lữ Minh Vũ - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 140/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị P - Sinh năm 1987 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đại P1 - Sinh năm 1981 - Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13-9-2022, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phan Thị P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đại P1 cưới nhau vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91 quyển số 01-2010 ngày 22-11-2010. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cải vã mất hạnh phúc gia đình. Hiện nay, bà và ông P1 vẫn sống chung nhà.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đại P1.

Về nuôi con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 15-10-2006 và Nguyễn Ngọc Yến P2, sinh ngày 09-7-2013, 02 con chung đang sống với bà và ông P1. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu ông P1 cấp dưỡng 1.500.000 đồng/1 con chung, thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà P có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông P1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phan Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Đại P1, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Ông P1 được tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của ông, không có mặt để tham gia phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Bà Phan Thị P và ông Nguyễn Đại P1 chung sống có đăng ký kết hôn ngày 22-11-2020 tại Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông P1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà P, Hội đồng xét xử nhận định: Bà P cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên cải vã. Ông P1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, qua lời trình bày của bà P nhận thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông P1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà P yêu cầu ly hôn với ông P1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: 02 con chung Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 15-10-2006 và Nguyễn Ngọc Yến P2, sinh ngày 09-7-2013 có nguyện vọng sống chung bà P và bà P cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung. Ông P1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ thể hiện tranh chấp quyền nuôi con chung. Vì vậy, giao 02 con chung cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P yêu cầu cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/1 con chung. Tuy nhiên, bà P không cung cấp chứng cứ chứng minh nhu cầu thiết yếu của con chung, thu nhập của ông P1. Vì vậy, căn cứ vào quy định pháp luật chấp nhận ông P1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 745.000 đồng/1 con chung, thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi từng con chung đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại các Điều 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: bà P trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy:

[9] Bà P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bà P đã nộp đủ tiền án phí.

[10] Ông P1 có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 51, 81, 82, 107, 110, 116 và 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Bà Phan Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Đại P1.

2. Về nuôi con chung: Bà Phan Thị P được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Hoàng Minh T, sinh ngày 15-10-2006 và Nguyễn Ngọc Yến P2, sinh ngày 09-7-2013, 02 con chung đang sống với bà P và ông P1. Ông Nguyễn Đại P1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745000 đồng/1 con chung, thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Ông P1 có nghĩa vụ giao 02 con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông P1 được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích con chung, bà P và ông P1 có quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con và yêu cầu thay đổi khoản cấp dưỡng nuôi con theo luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 trong việc tính lãi chậm thi hành án.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu số 0005361 ngày 19-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ). Ông P1 có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- CC. THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ (để ghi sổ hộ tịch)
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

Trần Thị Gái